

CÔNG TY CỔ PHẦN

THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

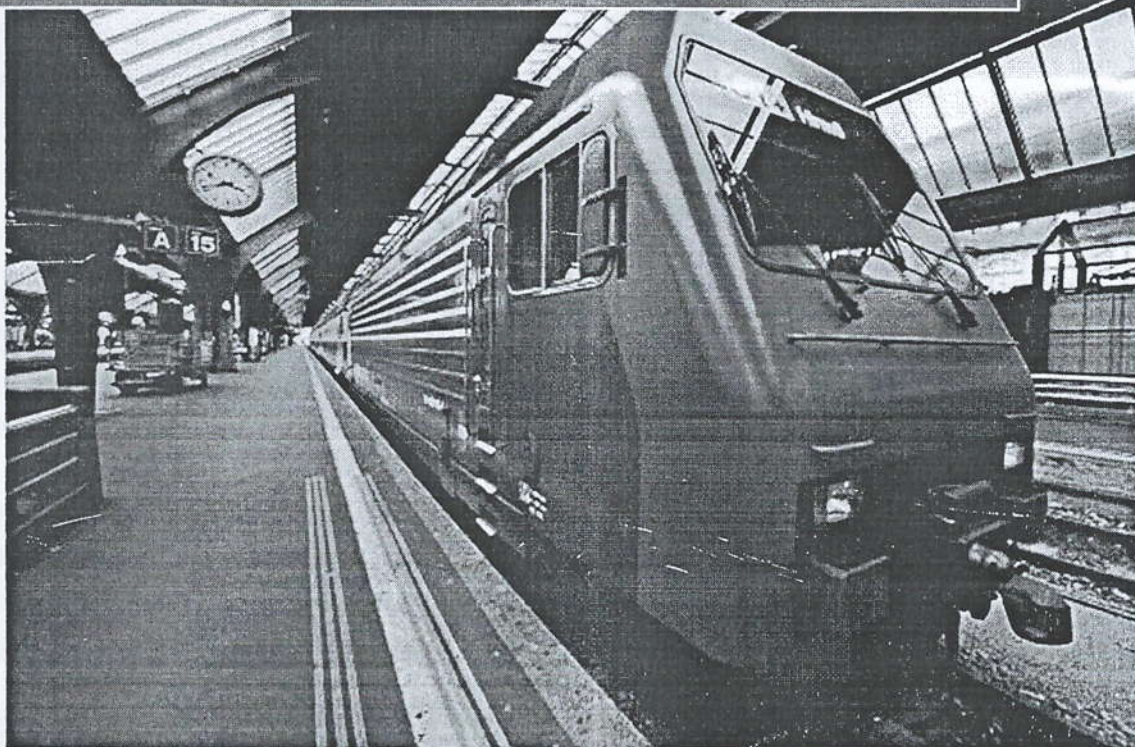
Địa chỉ: 01 Nguyễn Thông, P.9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3846 6485 Fax: (028) 3846 6484

Website: www.ttthsaigon.vn

2019

Báo Cáo Thường Niên (Annual Repport)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (ANNUAL REPORT)
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
(SAIGON RAILWAYS OF TELECOMMUNICATION SIGNALIZATION
JOINT STOCK COMPANY)

Năm 2019

I. Thông tin chung (General information)

1. Thông tin khái quát (General information)

1.1. Thông tin về công ty:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No:0301097524*, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 05/01/2017.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: **30.741.000.000**, đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 30.741.000.000, đồng
- Địa chỉ/*Address*: Số 01, đường Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại/*Telephone*: (028) 3846 6485. Số fax/*Fax*: (08) 3 8466 484.
- Website: www.ttthsaigon.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: TSG

1.2. Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process:

Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn (TTTH ĐSSG) trải qua 40 năm truyền thống xây dựng và phát triển, với 6 lần được đổi tên và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, phù hợp, gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty ĐSVN; cụ thể như sau:

a. Giai đoạn 1976 - 1979:

Đoạn Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 107/TC-LĐTL ngày 28/4/1979 của Tổng cục Đường sắt, là đơn vị sản xuất cơ sở của Tổng cục Đường sắt, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quận Đường sắt 3 và sự lãnh đạo, chỉ đạo về kỹ thuật nghiệp vụ của Sở Thông tin tín hiệu Tổng cục đường sắt (TCĐS).

b. Giai đoạn 1983 -1986:

Đoạn TTTH ĐS Sài Gòn được đổi thành Xí nghiệp TTTH số 5 theo Quyết định số 883/ĐS-TC ngày 30/11/1983 của Tổng cục Đường sắt phạm vi quản lý từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì.

c. Giai đoạn từ tháng 4/1986 đến 1989:

- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5 được đổi thành Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 124/ĐS-TC ngày 1/4/1986 của Tổng cục Đường Sắt. Phạm vi quản lý kéo dài từ Sài Gòn đến đầu nam ga Lê Trạch (Quảng Bình), cụ thể: từ cột thử dây số 133 khu gian Thạch Khê – Lê Trạch tới Tp. Hồ Chí Minh với 81 ga và 1000 km đường dây thông tin

- Đến tháng 8/1987, tổ chức tiếp tục thay đổi và phạm vi quản lý trở lại như ban đầu (từ Sài Gòn đến nam ga Diêu Trì).

d. Giai đoạn 1989 đến 1998:

- Năm 1998, theo Quyết định số 882 ngày 17/4/1998 của Bộ GTVT, về việc thành lập

doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh được đổi tên thành Xí nghiệp TTTT ĐS Sài Gòn trực thuộc Liên hiệp ĐSVN được thành lập trên cơ sở chuyển đổi thành đơn vị sự nghiệp kinh tế.

- Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn là tổ chức sản xuất phục vụ, hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ, được mở tài khoản tại Ngân hàng, kho bạc Nhà nước, được sử dụng con dấu riêng.

e. Giai đoạn 1998 đến 2003:

- Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 734 ngày 20/3/2003 của Bộ Giao thông Vận tải là đơn vị trực thuộc Liên hiệp ĐSVN.

f. Giai đoạn 2003 đến nay:

- Năm 2003, Xí nghiệp TTTT Đường sắt Sài Gòn được đổi tên thành Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn và đã được xếp hạng doanh nghiệp hạng I vào năm 2006.

- Công ty Thông tin tín hiệu ĐS Sài Gòn, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam được chuyển đổi thành công ty TNHH MTV TTTT ĐS Sài Gòn theo quyết định số 1209/QĐ-ĐS, ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên TCT ĐS Việt Nam; Đây là bước chuyển đổi cơ bản, sâu sắc đối với các Doanh nghiệp Nhà nước trong việc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp 2005;

- Ngày 08/01/2015, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV TTTT Đường sắt Sài Gòn.

- Ngày 09/12/2015 Công ty đã tổ chức đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội số 236-238 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM với giá đấu thành công cao nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công thấp nhất: 10.100 đồng, giá đấu thành công bình quân: 10.100 đồng. Tổng số lượng cổ phần bán được: 67.500 cổ phần

- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày ngày 19/01/2016 với số vốn điều lệ là: 30.741.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ bảy trăm bốn một triệu đồng chẵn*).

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Lines and locations of the business:

- **Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:** Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt. Xây dựng lắp đặt thiết bị công trình thông tin viễn thông, tín hiệu giao thông; công trình đường dây truyền tải điện, trạm biến thế, công trình dân dụng, chiếu sáng. Xây dựng công trình giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp. Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu, điện. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Sản xuất vật liệu xây dựng, kết cấu thép chuyên ngành. Sản xuất kim loại màu và kim loại quý: sản xuất kết cấu thép chuyên ngành (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp); Kinh doanh dịch vụ viễn thông tin học. Đầu tư kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ khách sạn (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở doanh nghiệp). Du lịch: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Dịch vụ thể thao: kinh doanh các hoạt động thể thao và giải trí thể thao gồm: câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis. Dịch vụ bán đấu giá tài sản.

- **Địa bàn kinh doanh/Location of business:** từ Tp. Hồ Chí Minh đến nam ga Diêu Trì thuộc tỉnh Bình Định (bao gồm Tp.HCM và các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định) và trên toàn lãnh thổ Việt Nam

2. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/
Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ *Governance model*. Công ty được tổ chức theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần. Bao gồm:

+ *Hội đồng quản trị* : 03 người, trong đó có 01 chủ tịch và 02 thành viên. Ban Kiểm soát gồm 03 người, gồm một trưởng ban chuyên trách và 02 thành viên ban kiểm soát viên.

+ *Ban điều hành* : 3 người gồm (01 giám đốc và 02 phó giám đốc)

+ *Các phòng*: Kỹ thuật An toàn, Kế hoạch Vật tư, Tổ chức hành chính, Kinh doanh, Tài chính Kế toán.

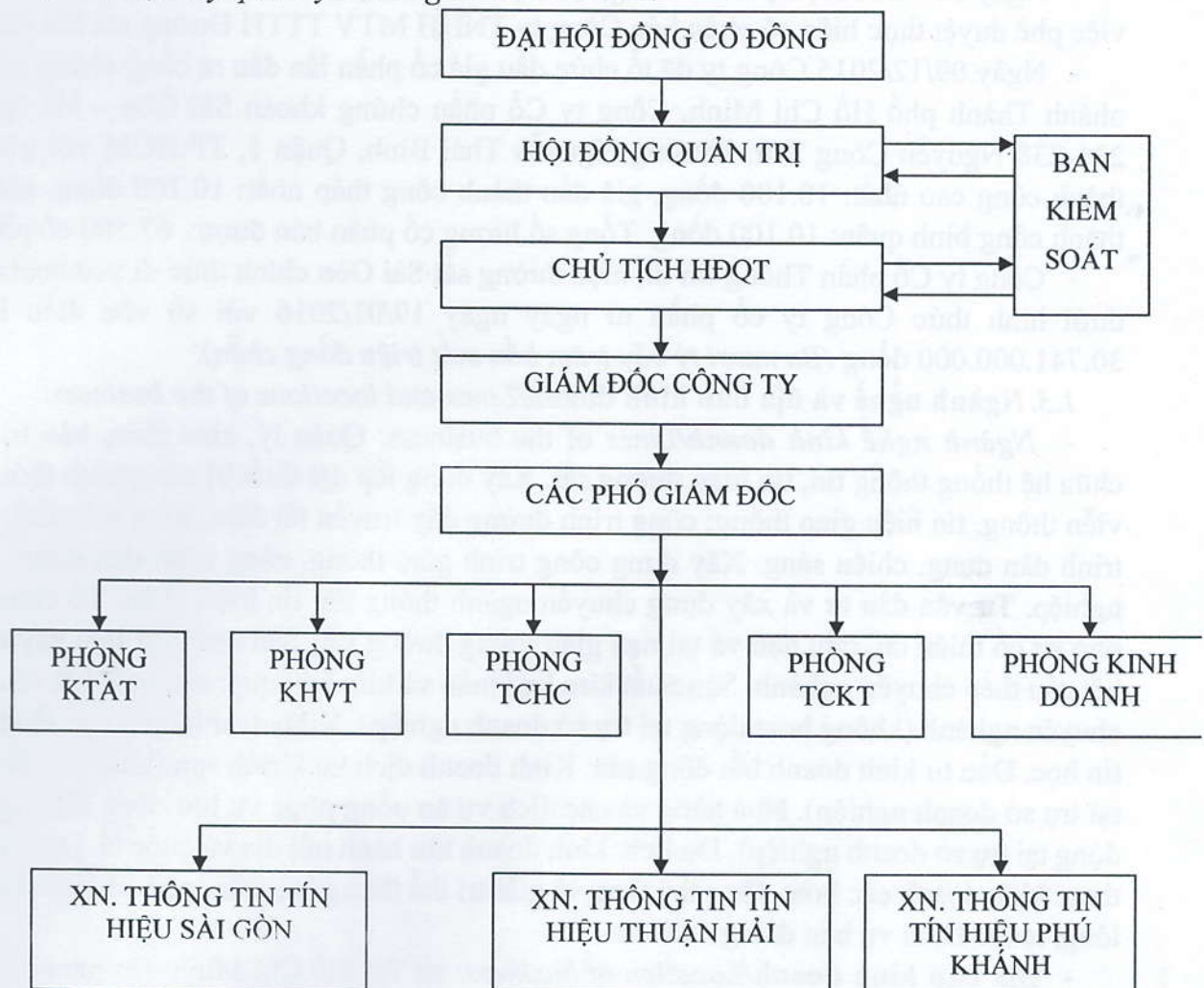
+ *Các Chi nhánh*:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Sài Gòn.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn- Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh.

- *Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure*:



3. Quá trình tăng vốn điều lệ từ khi chuyển sang Công ty cổ phần:

Từ khi chuyển sang Công ty cổ phần chưa tăng vốn;

4. Định hướng phát triển/Development orientations

4.1. Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô các lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có. Công ty đưa ra kế hoạch:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, tăng trưởng doanh thu hàng năm, tăng thu nhập đảm bảo đời sống cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông Tham gia các hoạt động xã hội và có trách nhiệm với các hoạt động xã hội khi có yêu cầu;

- Sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả, có lợi nhuận hàng năm tăng cao; trả cổ tức đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Doanh nghiệp với lợi ích các cổ đông và người lao động.

- Doanh thu ngoài sản xuất chính hàng năm đạt trên 20% tổng doanh thu. Thực hiện thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước.

- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 9% /năm trở lên.

4.2. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

a. Giải pháp sản xuất kinh doanh và đầu tư:

- Thường xuyên nắm bắt chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải, Ủy ban quản lý vốn và Tài sản Nhà nước, Tổng công ty đường sắt Việt Nam về việc ưu tiên tái cơ cấu phát triển ngành đường sắt, nhất là hệ thống tín hiệu đang được nhà nước đầu tư hiện đại hóa;

- Hoàn thành 100% khối lượng quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt Quốc gia đúng theo hợp đồng đặt hàng của Tổng công ty ĐSVN; đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, an toàn lao động, thông tin liên lạc;

- Tăng cường áp dụng công nghệ mới vào quản trị doanh nghiệp để giảm định biên lao động như: Ứng dụng các phần mềm về quản lý Kỹ thuật, Kế hoạch vật tư, Tài chính, Tổ chức nhân sự;

- Tiếp tục lắp đặt hệ thống giám sát tập trung cho 100% hệ tín hiệu đường ngang CBTĐ, giám sát các thiết bị TTTT khác trong công ty; lắp đặt hệ thống cần chắn tự động tại các đường ngang cảnh báo tự động (ĐN CBTĐ);

- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt một cách kịp thời nhanh chóng; bên cạnh đó sử dụng nguồn cho thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHT ĐS) được Tổng công ty đặt hàng hàng năm củng cố hệ thống đường cột, hệ thống cáp quang nhằm nâng cao chất lượng và hạn chế thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Thay đổi và có sự khác biệt hóa, chuyên nghiệp trong đấu thầu và tìm kiếm nguồn công trình, dự án theo thế mạnh hiện có của Công ty và đặc điểm của môi trường bên ngoài:

- Tham gia thầu, thầu phụ, thi công các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị TTTT Vinh-Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2”; Các dự án về an toàn đường ngang; Dự án Đường sắt nội đô Tp. Hồ Chí Minh tuyến Metro số 1 từ chợ Bến Thành đến Suối Tiên

và xúc tiến tham gia thi công các tuyến khác;

- Tiếp tục mở rộng sản xuất, khai thác hiệu quả các tài sản và nguồn vốn Công ty đang quản lý sử dụng đặc biệt là các là đất và các tài sản gắn liền với đất mà Công ty đang quản lý sử dụng tại các khu vực có lợi thế kinh doanh như Sài Gòn, Long Khánh, Nha Trang;

- Đột phá tạo thương hiệu trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công.

b. Giải pháp về nguồn vốn

• **Huy động vốn:**

- Lựa chọn đối tác, hạn chế thi công các công trình, dự án có nguồn vốn không rõ ràng; dự án chưa được bố trí vốn hoặc bố trí vốn nhiều năm khó thu hồi vốn;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, lắp đặt, nghiệm thu các công trình, dự án;

- Sau khi công trình đã hoàn thành nghiệm thu đẩy nhanh tiến độ thanh toán, thu hồi vốn đã ứng trước để thi công các công trình, dự án, hạn chế tối đa thời gian thanh toán kéo dài đối với các dự án XDCB dẫn đến nợ tồn đọng, nợ khó đòi;

- Hợp tác kinh doanh tạo nhiều nguồn vốn từ các đối tác và nguồn vốn xã hội hóa.

• **Quản lý vốn:**

- Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có; sử dụng vốn hiệu quả.

- Đầu tư có trọng điểm, dùng các biện pháp nghiệp vụ để tăng nhanh tốc độ luân chuyển của nguồn vốn đầu tư; tăng luân chuyển các khâu hàng tồn kho, sản xuất và tiêu thụ.

- Thực hiện tạm ứng theo hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, tăng cường công tác thu hồi các khoản tiền vốn chưa được thanh toán. Đảm bảo thu hồi nhanh nhất các khoản nợ, nhất là các khoản nợ có xu hướng sắp hết hạn thanh toán. Xây dựng quy chế quản lý nợ, định kỳ phân loại nợ và xử lý trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Xây dựng quy chế tài chính, các quy định về định mức chi phí sản xuất và quản lý sản xuất.. .;

c. Giải pháp về nguyên vật liệu

- Xây dựng định mức nguyên vật liệu phù hợp với thực tế. Căn cứ vào hồ sơ Phương án giá bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS, hồ sơ thiết kế công trình, định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu để cấp đủ, cấp đúng chủng loại vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình; Lập kế hoạch cụ thể về số lượng, chủng loại, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu cho từng công trình, sản phẩm để chủ động về nguồn cung ứng, tránh thụ động làm ách tắc sản xuất kinh doanh; phối hợp đồng bộ từ khâu thiết kế, dự toán, cung ứng vật liệu và tổ chức thi công các công trình;

- Lựa chọn nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý;

- Ký hợp đồng cung ứng theo kế hoạch với bên cung ứng, linh động khâu thanh toán, giảm thời gian vận chuyển;

- Lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo đầy đủ nguyên vật liệu cho sản xuất, vật tư dự phòng giải quyết trở ngại, vật tư chuyên ngành.v.v.. nhưng không làm ứ đọng vốn.

d. Giải pháp về nâng cao năng lực về thiết bị, công nghệ, cơ sở nhà đất

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng những thiết bị hiện có để duy trì năng lực của thiết bị, tài sản, rà soát lại các thiết bị không sử dụng hoặc năng lực sử dụng thấp để bán, thanh lý thu hồi vốn; đầu tư công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, không gây ô nhiễm môi

trường;

- Rà soát nguồn lực hiện có, xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có;

- Tích cực triển khai nghiên cứu ứng dụng, đầu tư đổi mới quản trị, công nghệ, đổi mới sản phẩm dịch vụ, từng bước nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; thay thế dần các thiết bị, công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; tiếp cận và từng bước làm chủ công nghệ và kỹ thuật xây dựng mới, tạo sản phẩm tiên tiến, tăng cường hiệu quả kinh doanh, phát triển bền vững;

- Có phương án kinh doanh hợp lý, hiệu quả các cơ sở nhà đất Công ty đang quản lý sử dụng.;

e. Giải pháp về lao động tiền lương

- **Về chính sách lao động:**

- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; tự học tập, học hỏi, đọc tài liệu...

- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;

- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao; Công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề...;

- **Về chính sách tiền lương**

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động các chế độ hợp lý;

- Đối với lao động trực tiếp: xác định tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ sản xuất và người lao động; áp dụng khoa học kỹ thuật và công cụ lao động liên tục để tăng năng suất lao động và giảm chi phí.

- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người xác định mức lương cụ thể cho từng phòng ban, cơ quan các Chi nhánh theo nhiệm vụ được giao;

- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, trong kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;

f. Giải pháp về mở rộng thị trường:

Công tác mở rộng thị trường được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất, hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp cụ thể như:

- Tập trung tìm kiếm các công trình, dự án đã được bố trí vốn;

- Nâng cao năng lực đấu thầu và năng lực cho bộ phận, cán bộ làm công tác đấu thầu, cán bộ nhân viên kinh doanh;

- Tiếp tục củng cố và giữ vững thị trường, địa bàn chính đã có và mở rộng các địa bàn trong cả nước, Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác tránh rủi ro trong tìm kiếm việc làm;

- Về ngắn hạn: đấu thầu và trúng thầu thực hiện thi công các công trình chống ảnh hưởng của đường dây điện lực sang hệ thống TTTT ĐS; Thi công xây dựng và sửa chữa các hệ thống TTTT đường ngang có gác và ĐN CBTĐ có cần chắn tự động thuộc công

trình nâng cấp, cải tạo đường ngang biển báo thành đường ngang CBTĐ có cản chắn theo QĐ 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Các dự án an toàn giao thông đường sắt theo QĐ 1856 của Thủ tướng chính phủ GD3; Dự án nâng cao năng lực đường sắt dự kiến 7.000 tỷ giai đoạn năm 2017-2020;

- Về dài hạn, Công ty tiếp tục tham gia đấu thầu, thi công các công trình phục vụ hiện đại hóa TTTT đường sắt, các gói thầu phục vụ nâng cấp kết cấu hạ tầng đường sắt; Tham gia thầu, thầu phụ các Dự án đầu tư KCHT ĐS, Dự án “Hiện đại hóa thiết bị TTTT Vinh-Tp. HCM GD2. Các dự án về thông tin tin tín hiệu thuộc đường sắt nội đô TP. Hồ Chí Minh;

- Đột phá tạo sự chuyên nghiệp trong chất lượng thi công và thực hiện khối lượng, nâng cao công tác quản lý, rút ngắn thời gian thi công;

5. Các rủi ro/ Risks:

- *Rủi ro kinh tế:* Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như: lạm phát, lãi suất,... ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, đặc biệt khi doanh thu của công ty phần lớn phụ thuộc vào hoạt động sản xuất công ích được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước. Nợ công Việt Nam ngày càng có xu hướng tăng cao, tuy vẫn nằm trong giới hạn cho phép của Quốc Hội, nhưng với tình hình nợ công cao sẽ dẫn tới eo hẹp ngân sách và nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đường sắt ít nhiều bị ảnh hưởng.

- *Rủi ro pháp lý:* Từ ngày 19/01/2016 công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần và đăng ký đại chúng, lưu ký chứng khoán, giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom. Mô hình mới có nhiều quy định pháp lý mới, đòi hỏi công ty phải cập nhật và đổi mới cho phù hợp.

- *Rủi ro cạnh tranh:* Hiện nay, sau khi có sự tái cấu trúc mạnh mẽ của nền kinh tế nói chung và sự tái cơ cấu của khối doanh nghiệp nhà nước nói riêng góp phần đổi mới cho nền kinh tế và đặt công ty trước sự cạnh tranh khốc liệt hơn, đòi hỏi công ty phải có sự tiếp cận và thay đổi về năng lực cạnh tranh.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (đã được kiểm toán)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Doanh thu	199.026.810.329	141.796.743.198
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.245.595.256	239.906.055
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.	197.781.215.073	141.556.837.143
4	Giá vốn hàng bán	164.528.191.004	113.039.171.636
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d/vụ	33.253.024.069	28.517.665.507
6	Doanh thu hoạt động tài chính	245.344.164	180.423.938
7	Chi phí tài chính	335.709.072	153.489.303
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.623.996.621	21.388.284.197

- Quá trình công tác:
- + Từ 11/1993 - 09/1994: Công nhân Cung TTTH Sông Lũy thuộc Hạt Thông tin tín hiệu Đường sắt Thuận Hải
- + Từ 10/1994 - 10/1996: Học trung cấp tại Trường kỹ thuật nghiệp vụ Đường sắt 2
- + 11/1996 - 03/2001: Công nhân Cung TTTH Tháp Chàm thuộc Trung Tâm TTTH Điện Đường sắt Tháp Chàm
- + 10/1998: Học Đại học Trường Đại học GTVT Hà Nội, tại Đà Nẵng
- + 04/2001 - 03/2004: Giám sát kỹ thuật, Trung Tâm TTTH Điện Đường sắt Tháp Chàm
- + 04/2004- 08/2004: Chuyên viên Phòng Kinh doanh Dự án, Công ty TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 09/2004 - 07/2007: Bí thư Đoàn thanh niên chuyên trách, Công ty TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 08/2007 - 09/2007: Phó phòng Hành chính Tổng hợp, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên Công ty TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 10/2007 - 12/2007: Phó phòng Phụ trách Phòng Hành chính Tổng hợp, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên Công ty TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 01/2008 - 02/2008: Trưởng phòng Phòng Hành chính Tổng hợp, kiêm Bí thư Đoàn thanh niên Công ty TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 03/2008 - 10/2009: Trưởng phòng Phòng Hành chính Tổng hợp, Công ty TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 11/2009 - 11/2010: Phó phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 12/2010 - 07/2015: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty TNHH MTV TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 08/2015 - 01/2017: Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty cổ phần TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 02/2017 - 07/2018: Phó giám đốc Công ty cổ phần TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 08/2018 - 01/2019 Phó giám đốc Công ty cổ phần TTTH Đường sắt Sài Gòn kiêm nhiệm vụ Giám đốc Xí nghiệp TTTH Phú Khánh
- + 01/2019 – 05/2019: Phó giám đốc, Công ty cổ phần TTTH Đường sắt Sài Gòn
- + 05/2019 đến nay: Được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Sở hữu chứng khoán:

- + Sở hữu cá nhân: 9.100 Tỷ lệ: 0,29%
- + Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam: 1.164.600; Tỷ lệ: 37,88%
- + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

1.1.2. Ông Phạm Văn Dũng

- Ngày sinh: 06/8/1963 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Thanh Hà, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 41, đường số 41, Him Lam, Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp.HCM
- Số CMND: 024874649, Nơi cấp: TPHCM, Ngày cấp: 23/2/2008

+ Từ 03/1986 – 12/1989: Kỹ thuật viên Hạt TTTH Sài Gòn – Mường Mán, Xí nghiệp TTTH TP. Hồ Chí Minh.

+ Từ 01/1990 – 10/1993: Giám sát kỹ thuật Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mường Mán, Xí nghiệp TTTH TP. Hồ Chí Minh.

+ Từ 11/1993 – 05/1996: Phó chủ tịch công đoàn chuyên trách, Xí nghiệp TTTH TP. Hồ Chí Minh.; Phó Bí thư Đảng ủy Xí nghiệp (2004-2006).

+ Từ 06/1996 - 12/2003: Chủ tịch Công đoàn chuyên trách (XN), Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 01/2004 - 03/2006: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, thành viên Hội đồng quản trị Công ty xây dựng công trình 135 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông I

+ Từ 04/2006 – 10/2006: Phó Trưởng phòng - phòng Tổ chức lao động Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 11/2006 – 11/2010: Trưởng phòng - phòng Tổ chức lao động Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 12/2010 – 01/2016: Trưởng phòng - phòng TCLĐ (Tổ chức hành chính từ 7/14), Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.

+ Từ 01/2016 – nay: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng - phòng Kế hoạch vật tư, Công ty CP Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn

- Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 14.400 Tỷ lệ: 0,47%

+ Sở hữu đại diện: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

+ Các khoản nợ đối với Công ty: không

- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.2 Thành viên Người quản lý Công ty - Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
2	Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc
3	Đàm Ngọc Mẫn	Phó Giám đốc
4	Đỗ Đức Toàn	Kế toán trưởng

2.2.1 Ông Phạm Văn Dũng (Xem lí lịch sơ lược ở phần 2.1.2 HĐQT – Trang 11)

2.2.2 Ông Dương Ngọc Thắng

- Ngày sinh: 07/7/1965

Giới tính: Nam

- Nơi sinh: Quảng Trị

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ liên hệ: 575/11/5 Cách mạng tháng 8, P.15, Q.10 TPHCM

- Số CMND: 025667545, Nơi cấp: TPHCM, Ngày cấp: 01/8/2012

- Điện thoại: 0918.368.937

- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ tự động điều khiển, Cử nhân QTKD

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Phó Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:
 - + Từ 09/1983 – 10/1986 Tham gia quân đội tại D27, E220 lực lượng phòng không, cấp bậc Trung sỹ.
 - + Từ tháng 11/1986 – tháng 7/1987, xuất ngũ, chuyển thẳng đi học tiếng Nga – dự bị đại học tại TP HCM;
 - + Từ tháng 8/1987 – tháng 7/1993, được Bộ GDĐT cử đi học đại học tại trường Đại học Giao thông Đường sắt Moscow (Liên xô cũ); sau khi hoàn thành khóa học đã tự túc kinh phí theo học và bảo vệ thành công luận án tiến sỹ khoa học kỹ thuật ngành điều khiển tự động từ tháng 3/97 đến tháng 02/2000.
 - + Từ tháng 4/2000 – tháng 8/2000 về nước, cư trú tại TP.HCM;
 - + Từ tháng 6/2000 – tháng 8/2000 Được tuyển dụng, thử việc tại Xí nghiệp TTTH ĐS Sài Gòn (tại Cung TTTH Sài Gòn; văn phòng Trung tâm TTTH Đ Sài Gòn và phòng Kỹ thuật Xí nghiệp);
 - + Từ tháng 9/2000 – tháng 6/2004 cán bộ phòng Kỹ thuật;
 - + Từ tháng 7/2004 – tháng 11/2009 Phó phòng, - phòng Kỹ thuật thiết kế;
 - + Từ tháng 12/2009 – 06/2011, Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn Công ty TTTH ĐS Sài Gòn;
 - + Từ tháng 7/2011 – 11/2012 là Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn Công ty TNHH một thành viên TTTH đường sắt Sài Gòn.
 - + Từ tháng 01/12/2015: được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc công ty TNHH một thành viên TTTH ĐS Sài Gòn, Phó Giám .

Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 14.400 Tỷ lệ: 0,47%

+ Sở hữu đại diện: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.2.3 Ông Đàm Ngọc Mẫn

- Họ và tên khai sinh: Đàm Ngọc Mẫn Nam, nữ: Nam

- Các tên gọi khác: Không

- Chức vụ: Phó Giám đốc công ty

- Sinh ngày: 15/12/1974

- Nơi sinh: Bắc Giang

- Quê quán: Hòa Thắng – Phú Hòa – Phú Yên

- Nơi ở hiện nay: 29/13 đường số 4, KP2, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. HCM.

- Điện thoại: 037 636 6668 – Thẻ CCCD: 024074000335

- Trình độ: Kỹ sư kỹ thuật thông tin, Cử nhân QTKD.

- Tóm tắt quá trình công tác:

+ 10/1994 đến 04/2001: Công nhân Cung TTTH Sóng Thần – Hạt TTTH Trung tâm Sài Gòn

+ 05/2001 – 02/2002: Công nhân cung TTTH Sài Gòn – Trung tâm TTTH Sài Gòn

- + 03/2002 – 09/2003: Giám sát kỹ thuật – Trung tâm Dịch vụ & phát triển TTTH Sài Gòn
- + 10/2003 – 03/2007: Nhân viên Phòng Kỹ thuật thiết kế – Công ty TTTH ĐS Sài Gòn
- + 04/2007 – 11/2015: Phó phòng kỹ thuật thiết kế – Công ty TTTH ĐS Sài Gòn
- + 12/2015 – 02/2018: Giám đốc Xí nghiệp TTTH Sài Gòn - Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn
- + 11/2018- 1/2019: Phó Giám đốc Công ty CP TTTH ĐS Sài Gòn kiêm nhiệm vụ Giám đốc Xí nghiệp TTTH Sài Gòn
- + 1/2019 – nay: Phó giám đốc, Công ty Cổ phần TTTH Đường sắt Sài Gòn
- Sở hữu chứng khoán:
- + Sở hữu cá nhân: 10.600 Tỷ lệ: 0,34%
- + Sở hữu đại diện: Không
- + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.2.4 Ông Đỗ Đức Toàn

- Ngày sinh: 21/12/1961 Giới tính: Nam
- Nơi sinh: Hải Phong, Hải Hậu, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 37, Đường 34A, Phường An Phú, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022641034 - Nơi cấp: TP.HCM - Ngày cấp: 10/11/2010
- Điện thoại: 028 3 8466 483
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính; Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:
- + Từ tháng 4/1982 – 12/1982: Nhân viên thực tập tại Cung TTTH Mương Mán, Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mương Mán, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5.
- + Từ tháng 1/1983 – 10/1983: Cung trưởng - Cung TTTH Dĩ An, Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mương Mán, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5.
- + Từ tháng 11/1983 – 04/1984: Nhân viên thống kê, Hạt Thông tin tín hiệu Sài Gòn Mương Mán, Xí nghiệp Thông tin tín hiệu số 5.
- + Từ tháng 5/1984 – 6/1995: công tác tại Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn với các chức danh công việc đã làm: Kế toán viên, kế toán tổng hợp;
- + Từ 7/1995 – 6/2007, Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán.
- + Từ 01 tháng 7/2007 đến nay giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty.
- Sở hữu chứng khoán:
- + Sở hữu cá nhân: 5.000 Tỷ lệ: 0,16%
- + Sở hữu đại diện: Không
- + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Nhận lương, thưởng, thu nhập khác của Công ty

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

2.3 Thành viên Ban Kiểm soát:

Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 19/4/2018 đã miễn nhiệm Trưởng ban kiểm soát là bà Ngô Thị Loan và bầu ông Đoàn Duy Khang làm Trưởng ban kiểm soát thay bà Ngô Thị Loan.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đoàn Duy Khang	Trưởng Ban kiểm soát
2	Phạm Hà Lan Viên	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Trọng Thảo Vy	Thành viên Ban kiểm soát

2.3.1 Ông Đoàn Duy Khang

- Họ và tên: Đoàn Duy Khang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/12/1981
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CMND: 271404573, ngày cấp: 19/5/2011, Nơi cấp: CA Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1.03 lô C3, Chung cư Khang Gia, Phường 14, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 0983 848 636
- Trình độ: Kỹ sư Điện – Điện tử, Cử nhân QTKD
- Địa chỉ Email: doanduykhang81@gmail.com
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng CBTT: Trưởng ban kiểm soát
- Quá trình công tác:
 - + 08/2004 – 12/2004 Công nhân tại Trạm Nguồn điện thuộc trung tâm TTTII D Sóng Thần
 - + 01/2005 – 12/2007 Kỹ thuật viên tại Phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty TTTH ĐS Sài Gòn
 - + 01/2008 – 03/2008 Giám sát kỹ thuật tại Trung tâm TTTH Đ Sài Gòn
 - + 04/2008 – 07/2008 Thường trực Đoàn TN Công ty
 - + 08/2008 – 01/2009 Thường trực, Phó Bí thư Đoàn TN Công ty
 - + 02/2009 – 05/2012 Thường trực, Bí thư Đoàn TN Công ty
 - + 06/2012 – 12/2015 Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH MTV Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn
 - + 01/2016 – 04/2018 Phó Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Thư ký Công ty, Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn
 - + 04/2018 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn
- Số phần nắm giữ: 2000 cổ phần, chiếm 0,0066 % vốn điều lệ, trong đó:
 - Đại diện (tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: không
 - Cá nhân sở hữu: 2000 cổ phần
 - Các cam kết nắm giữ (nếu có): không
 - Danh sách người có liên quan của người khai: không

+

2.3.2 Bà Phạm Hà Lan Viên

- Ngày sinh: 08/02/1980 Giới tính: Nữ
- Nơi sinh: Cam Ranh, Khánh Hòa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 21/10 đường số 4, Khu phố 2, Hiệp Bình Chánh, TPHCM
- Số CMND: 023591582, Nơi cấp: TPHCM, Ngày cấp: 23/5/2007
- Điện thoại: 0903327223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Kiểm soát viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:
 - + Từ 10/2004 – 9/2006: Nhân viên phòng Hành chính tổng hợp, Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn
 - + Từ 11/2004 – 7/2011: Nhân viên Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Sài Gòn , Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.
 - + Từ 08/2011 – 12/2016: Nhân viên Xí nghiệp Thông tin và thiết bị Sài Gòn, Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.
 - + Từ 01/2017 đến nay: Nhân viên kiểm tu thiết bị - XN. Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn, Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn

- Sở hữu chứng khoán:

+ Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phiếu Tỷ lệ: 0,09%

+ Sở hữu đại diện: Không

+ Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan với Công ty: Làm việc hưởng lương

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2.3.3 Bà Thân Trọng Thảo Vy

- Ngày sinh: 25/8/1979 Giới tính: Nữ
- Nơi sinh: TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: 35/10 Đinh Bộ Lĩnh, P24, Q. Bình Thạnh, TPHCM
- Số CMND: 023591582 Nơi cấp: TPHCM Ngày cấp: 23/5/2007
- Điện thoại: 0908.908.499
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế- Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên phòng Tổ chức hành chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + Từ 05/2002 – 12/2010: Nhân viên Trạm điện thoại điện báo Sài Gòn, Xí nghiệp TTTT Sài Gòn - Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn.
 - + Từ 12/2010 – nay: Nhân viên văn thư phòng Hành chính tổng hợp, Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn
- Sở hữu chứng khoán:

- + Sở hữu cá nhân: 3.800 cổ phiếu Tỷ lệ:0,12%.
- + Sở hữu đại diện: Không
- + Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Làm việc hưởng lương
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những thay đổi trong ban điều hành:

3. Tình hình người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là: 353 người, có trình độ từ trung cấp trở lên.

- Tại Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm xuyên suốt quyết định đến sự tồn tại và phát triển của công ty. Công tác đào tạo và phát triển đội ngũ từng bước được hoàn thiện thông qua các chính sách như: tiền lương, tiền thưởng, đãi ngộ, tuyển dụng và đào tạo huấn luyện nghiệp vụ.

- Năm 2019 Công ty đã tổ chức và gửi đi huấn luyện nâng cao nghiệp vụ Thông tin tín hiệu cho 80 công nhân; học tập nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và đối thoại với NLĐ cho 353 lượt người.

- Tổ chức cho hơn 170 lượt CNV được tham quan du lịch trong và ngoài nước với số tiền trị giá hàng trăm triệu đồng, tất cả NLĐ trong công ty được khám sức khỏe định kỳ và chuyên sâu. Tổ chức thi nâng bậc và nâng lương cho các đối tượng. Các cá nhân, tập thể có thành tích trong đảm bảo an toàn chạy tàu, sáng kiến hợp lý hóa trong quản lý và sản xuất được khen thưởng động viên kịp thời. Thu nhập bình quân của NLĐ năm 2019 là 12 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,3% so với năm 2018 (11,5 triệu đồng/người/tháng).

- Xây dựng và áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, sắp xếp hệ số lương cho người lao động theo đúng chức danh, công việc đang đảm nhận bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho người lao động yên tâm công tác.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

4.1 Tình hình tài chính/Financial situation

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng, giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	89.890.036.345	93.307.203.332	-3,6
Doanh thu thuần	197.781.215.073	141.556.837.143	39,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.538.662.540	7.156.315.945	33,2
Thu nhập khác	227.273	9.684.055	
Chi phí khác	48.003.169		
Lợi nhuận trước thuế	9.490.886.644	7.166.000.000	32
Lợi nhuận sau thuế	7.583.108.681	5.732.800.000	32
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) (Năm 2019 dự kiến trả 15,9%)	15,9%	11,5%	38,2%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2019	Năm/Year 2018	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,49	1,29	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: (TSNH – hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn Short term Asset/ Inventories Short term Debt	1,32	1,19	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/Capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,55	0,66	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	1,25	1,94	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	21,4	15,95	(a)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	3,8	4,00	(b)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	18,9	15,7	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	8,4	5,35	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operatingprofit/Net revenue Ratio)	4,8	5,05	

• **Đánh giá các chỉ tiêu tài chính của Công ty**

- **Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán ngắn hạn là năng lực đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán trong thời gian ngắn của công ty (trong thời hạn dưới 12 tháng kể từ ngày ghi nhận gần nhất trên bảng cân đối kế toán). Ngược lại, khả năng thanh toán dài hạn là năng lực đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán trên 12 tháng của công ty. Chỉ số đo lường khả năng thanh toán phổ biến nhất là: thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh.

+ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn năm 2019 của Công ty là (H1): $1,49 > 1$ rất tốt. Phản ánh cứ 1 đồng nợ được đảm bảo bởi 1,49 đồng tài sản.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh thể hiện tình hình tài chính ngắn hạn của Công ty, là thước đo sự lành mạnh của chính Doanh nghiệp. Nếu hệ số này càng cao thì khả năng

thanh toán công nợ càng nhanh và ngược lại. Thông thường, Hệ số thanh toán nhanh sẽ nằm ở 02 khoảng giá trị <1 và >1 . Hệ số thanh toán nhanh ≥ 1 thì chứng tỏ khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn cao. Khi đó, Công ty không khó khăn nếu phải thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Ngược lại, nếu hệ số thanh toán nhanh < 1 thì Công ty sẽ không đủ khả năng thanh toán ngay lập tức toàn bộ khoản nợ ngắn hạn, hay nói cách khác Công ty sẽ vướng phải những khó khăn khi phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2019 của Công ty là 1,32 (Năm 2018 là 1,19)

- **Nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn:**

+ Hệ số nợ phải trả / tổng tài sản: Chỉ tiêu này nói lên trong tổng tài sản hiện có của công ty có bao nhiêu đồng do vay nợ mà có. Do vậy hệ số này càng lớn và có xu hướng tăng chứng tỏ rủi ro tài chính càng tăng và ngược lại. Năm 2019 hệ số nợ/tổng tài sản của công ty rất thấp (0,55) và nhỏ hơn 1 phản ánh khả năng tài chính của công ty lành mạnh, ít rủi ro. Mức độ bảo vệ dành cho các chủ nợ càng cao.

+ Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (Hdo): Trong Công ty Cổ phần nợ và vốn chủ sở hữu là hai nguồn tài chính cơ bản phục vụ SXKD của Công ty. Chỉ tiêu hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giúp nhà đầu tư xác định cơ cấu nguồn vốn của Công ty các khoản nợ chiếm tỷ lệ bao nhiêu phần trăm. Khi hệ số **Hdo** > 1 : phản ánh tình hình tài chính của Công ty được đảm bảo bằng các khoản nợ, ngược lại hệ số này <1 cho biết vốn của Công ty được tài trợ bởi chủ sở hữu. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2019 là 1,25 giảm so với năm 2018 là 1,94 chủ yếu là các khoản nợ NLD của năm trước trả vào đầu năm sau (do đặc thù của Công ty thực hiện nhiệm vụ công ích nên các dự án thường được Ngân sách Nhà nước thanh toán sau kết thúc năm 30 ngày và các khoản chờ thanh toán).

- **Hệ số vòng quay hàng tồn kho (Hlc):** Phản ánh việc rút ngắn chu kỳ sản xuất, sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ hết hoặc mua bán nhanh thì giá trị hàng tồn kho sẽ giảm hợp lý, do vậy hệ số vòng quay sẽ tăng và rủi ro tài chính sẽ giảm và ngược lại. Như vậy hệ số vòng quay hàng tồn kho càng lớn và có xu hướng tăng lên, thì số ngày cần thiết cho một vòng quay càng nhỏ và có xu hướng càng giảm, sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ ngay, số lượng tồn kho thấp, khi đó rủi ro tài chính càng giảm và ngược lại. Trong năm 2019 hệ số vòng quay hàng tồn kho là 21,4 tăng so với năm 2018 là 15,96 phản ánh khả năng tài chính và công tác quản trị ở khâu sản xuất, tiêu thụ của công ty rất hiệu quả.

- **Chỉ tiêu khả năng sinh lời:** Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: Chỉ tiêu này phản ánh trình độ kiểm soát chi phí của công ty và tình hình phát triển thị trường. Hệ số khả năng sinh lời năm 2019 luôn được duy trì cho thấy hiệu quả SXKD. Đặc biệt 2 chỉ tiêu quan trọng nhất đối với cổ đông của công ty là lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) năm 2019 là 8,4 (năm 2018 là 5,3) và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2019 là 18,9% (năm 2018 ROE là 15,7%) là cơ sở để các cổ đông tin tưởng vào lợi ích sẽ mang lại khi đã quyết định đầu tư vào Công ty.

4.2 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

4.2.1 Cơ cấu cổ phần

Diễn giải	Số lượng
Tổng số cổ phần	3.074.100
Loại cổ phần	Phổ thông
Trong đó :	
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	2.953.700
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	120.400

4.2.2 Cơ cấu cổ đông

Diễn giải	Yếu tố	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Phân theo tỷ lệ sở hữu	x	3.074.100	100,00
Cổ đông lớn		2.329.200	75,77
Cổ đông nhỏ		744.900	24,23
Phân theo tổ chức, cá nhân	x	3.074.100	100
Cổ đông tổ chức		2.329.200	75,77
Cổ đông cá nhân		744.900	24,23
Phân theo yếu tố nước ngoài	x	3.074.100	100,00
Cổ đông trong nước		3.074.100	100,00
Cổ đông nước ngoài		0	0
Phân theo yếu tố nhà nước	x	3.074.100	100,00
Cổ đông nhà nước		2.329.200	75,77
Cổ đông khác		744.900	24,23

4.3 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

4.3.1 Quản lý nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu phục vụ sản xuất của Công ty chủ yếu là vật liệu chuyên ngành được cung ứng bởi các nhà cung ứng có thương hiệu nổi tiếng trong và ngoài nước, có xuất xứ rõ ràng, trước khi đưa vào sản xuất được kiểm nghiệm theo quy định. Chi phí nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài (điện nước, dịch vụ viễn thông) chiếm tỷ trọng từ 25% đến 30% trong tổng số kết cấu chi phí. Công ty đang dần từng bước thay thế các thiết bị cũ bằng thiết bị mới với công nghệ mới sử dụng tiêu thụ ít năng lượng, thời gian sử dụng dài thân thiện với môi trường

4.3.2 Vật liệu, thiết bị thu hồi được tái chế sử dụng lại, loại không tái chế được thu và chuyển về Tổng công ty ĐSVN để xử lý tập trung, thanh lý và hoàn trả cho ngân sách nhà nước.

4.3.3 Trách nhiệm của Công ty với xã hội

Với phạm vi quản lý trải dài hơn 650 km từ Tp.HCM đến Bình Định, hàng năm Công ty

phối hợp tốt với các địa phương có đường sắt đi qua để bảo vệ an toàn giao thông, thiết bị đường sắt. Thực hiện công tác bảo trợ xã hội trong và ngoài Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (*Report and assessment of the Board of Management*)

Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty (*The Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Năm 2019 Ban Giám đốc Công ty đã bám sát các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết Hội đồng quản trị đã xây dựng và đã đạt và vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế xã hội, chất lượng kỹ thuật. Các chỉ tiêu cụ thể về sản xuất kinh doanh, tài chính và các nội dung khác của năm 2019 đã được thực hiện:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (*Assessment of operating results*)

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện		Tỷ lệ % thực hiện so với	
				Kỳ báo cáo năm 2019	Cùng kỳ báo cáo 2018	Cùng kỳ năm trước	Kế hoạch
I	Sản lượng chủ yếu	Tr.đ	182.820	217.829	155.921	139,7	119,1
II	Tổng doanh thu	Tr.đ	166.200	198.026	141.746	139,7	119,1
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	166.200	197.781	141.557	139,7	119,0
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đ		245	180	136,1	
3	Thu nhập khác	Tr.đ		0,2	9		
III	Tổng chi phí	Tr.đ	156.800	188.535	134.580	140,1	120,2
1	Giá vốn	Tr.đ	136.833	164.528	113.039	145,5	120,2
2	Chi phí kinh doanh	Tr.đ	19.647	23.623	21.388	110,4	120,2
3	Chi phí tài chính/CP khác	Tr.đ	319	383,7	153	250,3	120,0
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	9.400	9.490	7.166	132,4	101,0
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	7.500	7.583	5.733	132,3	101,1
VI	Thu nhập BQ	tr/ng/tháng	12	12	11,5	104,3	100,0

2. Tình hình tài chính (Financial Situation)

2.1. Tình hình tài sản (Assets)

Chi tiêu	Số tuyệt đối		Tăng (giảm) Cuối năm/đầu năm (%)	Tỷ trọng (%)		
	Số đầu năm	Số cuối năm		Cuối năm	Đầu năm	Tăng /giảm
Tài sản ngắn hạn	104.837.182.949	77.321.629.277	-3,8	83	83	0
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.221.023,226	1.888.999.280	109,9	4,4	2,0	118,0
Các khoản phải thu ngắn hạn	83.605,220.268	68.269.258.878	-8,8	69,2	73,2	-5,4
Hàng tồn kho	7.010.939.415	7.163.371.119	14,0	9,1	7,7	18,3
TSNH khác						
Tài sản dài hạn	16.279.861.062	15.985.574.055	-2,8	17,3	17,1	0,9
Tài sản cố định	11.525.002.514	11.173.112.725	-2,05	12,2	12,0	1,7
Tài sản dài hạn khác	4.734.858.548	4.792.461.330	-4,5	5,1	5,1	-1,0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	121.117.044.011	93.307.203.332	-3,6			

2.2. Tình hình nợ phải trả (Liabilities)

Chi tiêu	Số tuyệt đối			Tăng (giảm) (%)
	Số cuối năm	Số đầu năm	Tăng (giảm)	
Nợ ngắn hạn	49.872.359.378	55.748.870.546	-5.876.511.168	-10,5
Nợ dài hạn	-	-	-	
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ	49.872.359.378	55.748.870.546	-5.876.511.168	-10,5

Nợ phải trả hiện tại của công ty đầu năm là 55,7 tỷ đồng, cuối năm giảm xuống còn 49,8 tỷ. Do đặc điểm Công ty thực hiện các hợp đồng đặt hàng có nguồn gốc là vốn ngân sách Nhà nước, tại thời điểm kết thúc năm chủ đầu tư được kéo dài thời gian thanh toán 30 ngày nên các khoản nợ phải thu của Công ty cũng được thu hồi với thời gian tương ứng nên các khoản phải trả của Công ty được thực hiện trong tháng 01 năm sau. Các khoản nợ phải trả: Nợ người lao động về các khoản chi của năm 2019 trả vào tháng 1 năm 2020 (Tết Nguyên đán) và các khoản thanh toán cho các nhà cung cấp nguyên vật liệu và các yếu tố chi phí đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh. Với cơ cấu các khoản phải thu từ khách hàng và thu ngắn hạn khác của Công ty tại cùng thời điểm là 62,2 tỷ đồng đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý (Improvements in organizational structure, policies, management)

Khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Công ty đã có sự thay đổi về cơ bản trên tất cả các mặt theo xu hướng tinh giảm bộ máy tổ chức, sắp xếp mô hình quản lý và sản xuất theo hướng tập trung vào nhiệm vụ sản xuất chính là quản lý bảo dưỡng thường xuyên kết

cầu hạ tầng đường sắt, sửa chữa định kỳ, SCL hạ tầng đường sắt... và nhiệm vụ SXKD, dịch vụ ngoài sản xuất chính bước đầu đã mang lại hiệu quả.

- Xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý phù hợp với Công ty cổ phần. Xây dựng hệ thống thang bảng lương mới, phù hợp với mô hình mới, góp phần thúc đẩy năng suất lao động.

- Công tác tuyển dụng mới với tiêu chí mới cũng được đề cao
- Tiết kiệm, quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất và quản lý sản xuất đúng định mức, đúng dự toán.

- Tìm kiếm thị trường, tham gia các hoạt động SXKD khác ngoài hoạt động công ích
- Xây dựng phương án, khai thác có hiệu quả các cơ sở nhà đất
- Tăng cường công tác quản trị trong công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

Năm 2019 tiếp tục những kết quả đã thực hiện được sau khi thực hiện cổ phần hóa, hệ thống luật pháp đối với Công ty cổ phần đã đi sâu vào công tác điều hành, thực hiện trong Công ty. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty đại chúng đặc biệt là quyền lợi của cổ đông. Tiếp tục phát triển SXKD để tăng doanh thu, lợi nhuận và thu nhập của NLD, Cổ tức của cổ đông hàng năm được chi trả từ 12% trở lên.

- Đứng trước những thách thức của giai đoạn mới, các công việc trọng tâm trong năm 2020 như sau:

- + Về tổ chức: Tiếp tục sắp xếp bộ máy đảm bảo tinh gọn, đa năng với mục tiêu đặt hiệu quả công việc lên hàng đầu, tăng cường công tác quản trị công ty

- + Về chi phí: Tiếp tục cải tiến, bổ sung hệ thống định mức chi phí, kế hoạch và kiểm soát chặt chẽ tất cả các chi phí vận hành, cắt giảm chi phí không cần thiết góp phần nâng cao lợi nhuận;

- + Về doanh thu: Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề sản xuất chính vẫn là công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, ngoài ra Công ty tập trung vào 2 mảng tiềm năng là công trình dự án và kinh doanh dịch vụ, phấn đấu tăng trưởng tỷ trọng doanh thu từ 2 mảng này chiếm trên 30% doanh thu. Đa dạng hóa marketing, nâng cao năng lực đấu thầu công trình dự án.

- + Về con người: thực hiện chính sách tuyển dụng mở, tuyển dụng dựa trên tiêu chí chất lượng lao động, thành thạo công việc, có kinh nghiệm và tay nghề cao.

- + Về công nghệ: áp dụng công nghệ vào việc quản lý, thay thế dần các công đoạn thủ công, tối đa việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý ở tất cả các khâu kỹ thuật, nhân sự, hành chính, tài chính kế toán, văn phòng Chi nhánh và các tổ sản xuất. Nâng cao chất lượng mạng LAN nội bộ Công ty, từ Công ty tới các tổ sản xuất nhằm đưa thông tin chỉ đạo thực hiện SXKD kịp thời, giảm chi phí đi lại, hội họp, tiết kiệm chi phí chung làm gia tăng lợi nhuận.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (*Assessments of the Board of Management on the Company's operation*)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội (*Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities*).

1.1. Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và chỉ tiêu SXKD 2019:

Năm 2019, Doanh thu đạt 198,026 tỷ (trong đó doanh thu SXKD ngoài công ích đạt 103,2 tỷ) tăng 39,7% so với năm 2018 (141,746 tỷ), tăng 19% so với kế hoạch (166,23 tỷ). Tỷ trọng doanh thu ngoài công ích so với tổng doanh thu đạt 52% (tăng 19% so với năm 2018). Lợi nhuận trước thuế 9,49 tỷ, tăng 32% so với năm 2018 (7,16 tỷ), tăng 1% so với kế hoạch.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu : 18,9%
- Cổ tức dự kiến :15,9%, tăng 38,2% so với năm 2018 (11,5%)
- Thu nhập bình quân đạt 12 tr.đ/người/tháng, tăng 4,3% so với năm 2018 (11,5 tr.đ).

1.2 Kế hoạch quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt :

a) Khối lượng

Hoàn thành 100% kế hoạch sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt.

Số TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Đường truyền tải	Km/tr	1.135,929	
2	Trạm tổng đài	Trạm	166,566	
3	Tín hiệu ra vào ga	Hệ	1.564,223	
4	Thiết bị khống chế	Bộ	382,220	
5	Thiết bị điều khiển	Đài	2.130,015	
6	Cáp tín hiệu	Km/sợi	1.213,000	
7	Thiết bị nguồn	Cung	50,422	

b) Doanh thu:

- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch: 100%
- SCTX: 94,49 tỷ đồng
- Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch: 100%
- Tỷ lệ thực hiện so với năm 2018: tăng 8%

1.3 Công trình kinh doanh và dịch vụ: Doanh thu 103,2 tỷ đồng

a) Công trình: thực hiện 28 công trình và hạng mục với doanh thu: 97,37 tỷ đồng

b) Dịch vụ: doanh thu 5,83 tỷ đồng.

1.4 Thực hiện hoàn thành & vượt các chỉ tiêu Kỹ thuật chất lượng:

- Chất lượng duy tu thiết bị đạt: 99,50%, tăng 0,06% so với năm 2018 (chỉ tiêu \geq 98,5%).
- Hiệu suất thiết bị thông tin tín hiệu đạt: 99,45%, giảm 0,06% so với năm 2018 (chỉ tiêu \geq 99%), trong đó: HSKT^{TT} đạt: 99,66%, giảm 0,07% so với năm 2018 (chỉ tiêu \geq 99%); HSKTTH đạt: 99,70%, tăng 0,04% so với năm 2018 (chỉ tiêu \geq 99%); hiệu suất quản lý đạt: 99,22% giảm 0,12% so với năm 2018. Cụ thể:

- Đường dây và thiết bị thông tin:
- + Gián đoạn thông tin : 0 vụ (bằng so với năm 2018);
- + Hư hỏng thiết bị: 50 vụ (tăng 05 so với năm 2018).
- Thiết bị tín hiệu:
- + Chậm tàu: 0 vụ 0 phút, giảm 02 vụ và giảm 74 phút so với năm 2018 (chỉ tiêu ≤ 3 vụ, < 90 phút);
- + Phiếu đường: 17 phiếu, tăng 14 phiếu so với năm 2018;
- + Độ ổn định ĐN CBTD: 100%, bằng so với năm 2018 (chỉ tiêu $> 99,95\%$).

1.5 Xác định nhiệm vụ trọng tâm năm 2020

- Hoàn thành 100% công tác quản lý bảo dưỡng SCTX, sửa chữa lớn các công trình đường ngang cảnh báo tự động, nâng cấp, lắp đặt cần chắn tự động, các công trình chống ảnh hưởng điện lực sang hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt, các công trình thuộc nguồn vốn cho thuê kết cấu hạ tầng và các công trình thông tin tín hiệu khác tại các địa phương có đường sắt đi qua. Phần đầu tổng doanh thu thực hiện 140,4 tỷ. Trong đó doanh thu ngoài hoạt động sửa chữa thường xuyên 47,35 tỷ.

- Phối hợp kinh doanh có hiệu quả các khu vực có mặt bằng nhà đất trong Công ty.
- Tiếp tục phương án tham gia các phần việc đường sắt nội đô tuyến số 1 Bến Thành – Suối Tiên.
- Đẩy mạnh công tác gia công sản xuất phụ kiện thông tin tín hiệu chuyên ngành.
- Quản lý tốt thiết bị mới sau bảo hành. Thực hiện 03 chương trình kế hoạch, kỹ thuật. Đẩy mạnh công tác khoa học công nghệ, thực hiện từ 1 đề tài NCKH cấp Tổng công ty và 1 đến 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Công ty, các sáng kiến hợp lý hóa sản xuất.

1.6 Xây dựng cơ chế, công tác quản lý, quản trị doanh nghiệp

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật đối với công ty đại chúng
- Quản lý tốt công tác liên quan đến cổ đông
- Xây dựng, có kế hoạch cụ thể điều chỉnh quy định, hoàn thiện cho Công ty cổ phần
- Xây dựng chỉnh sửa ban hành các tài liệu thuộc hệ thống quản lý chất lượng
- Xây dựng ban hành các kế hoạch cho hoạt động của Công ty năm 2020
- Thực hiện tốt, kịp thời công tác kế toán quản trị, quản trị tài chính trong và sau khi lập BCTC hàng quý, năm.
- Hệ thống định mức sử dụng, tiết kiệm chi phí, khoán phù hợp

1.7 Đánh giá tác động của môi trường và xã hội

Công ty luôn luôn xác định xây dựng đơn vị phát triển bền vững, có trách nhiệm với môi trường và xã hội thể hiện trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị. Các phế liệu từ sản xuất được thu hồi xử lý tập trung, nộp TCT ĐSVN không gây ảnh hưởng đối với môi trường, xã hội. Trong quá trình thi công dự án, vận hành thiết bị, thực hiện nghĩa vụ đối với địa phương và Nhà nước theo quy định pháp luật...;

1.8 Công tác tổ chức bộ máy quản lý:

Bộ máy công ty đã được tinh gọn hơn theo xu hướng giảm lao động, bố trí hợp lý. Bộ phận trực thuộc từ 06 Chi nhánh tổ chức lại với 03 Chi nhánh. Các phòng ban cũng được bố trí lại theo chức năng quản lý, bảo dưỡng SCTX, SXKD, dịch vụ do vậy đã khai thác tối đa

mọi nguồn lực hiện có trong đó các hoạt động dịch vụ của Công ty đã mang lại hiệu quả hơn những năm trước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty *(Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance)*

- Năm 2019, Ban Giám đốc đã nỗ lực điều hành vừa đảm bảo nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị. Ban Giám đốc đã đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao đối với việc điều hành tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị chú trọng công tác quản trị tài chính, an toàn, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, quy định, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong hoạt động của Công ty.

- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế trên cơ sở các kế hoạch của Hội đồng Quản trị, từ đó hoàn thành nhiệm vụ SXKD, lợi nhuận năm 2019.

- Giám sát hoạt động, điều hành của Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và Ban điều hành được thực hiện thông qua các kết luận, các ý kiến trao đổi trực tiếp, báo cáo, giải trình kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động tại các phiên họp định kỳ, các Hội nghị giao ban tháng (12 cuộc họp giao ban định kỳ). Các nội dung kết luận được triển khai thực hiện, đã kịp thời giải quyết, điều chỉnh, tháo gỡ nhiều khó khăn, tồn tại như vấn đề chất lượng đường dây thông tin (xà, sứ), điều chỉnh sử dụng hợp lý lao động các phòng, các Xí nghiệp, gắn trách nhiệm của cá nhân với việc khắc phục, xử lý chậm các tồn tại; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong thực hiện quản lý chi phí.

- Giám sát thông qua việc xem xét, xử lý các thông tin từ các báo cáo của ban kiểm soát; báo cáo tài chính, kết luận của hoạt động kiểm toán, các đoàn kiểm tra quyết toán nguồn vốn, kiểm tra giám sát hoạt động của người đại diện phần vốn.

- Thường xuyên giám sát, yêu cầu ban điều hành xem xét kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí, kiểm soát công nợ, kiểm soát tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị *(Plans, orientations of the Board of Directors)*

Thực hiện nhiệm vụ năm 2020, HĐQT xác định một số trọng tâm hoạt động của Công ty như sau:

- Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2020.

- Tăng cường công tác dự báo, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tài chính, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí.

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển SXKD, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với người lao động, Tuyển dụng, đào tạo có điều kiện, bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, minh bạch trong hoạt động công bố thông tin, tuân thủ pháp luật.

V. Báo cáo tài chính (Financial statements)

1. Ý kiến kiểm toán (Auditor's opinions)

“Theo ý kiến của chúng tôi báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”

(Kiểm toán viên: Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3764-2016-152-1)

2. Số liệu báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán

Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kiểm toán Nam Việt./.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN, Sở giao dịch CKHN;
- Các TV HĐQT; (Mạng, VB)
- Ban KS; (Mạng, VB)
- Giám đốc Cty; (Mạng, VB)
- Websites Công ty; (CBTT)
- Lưu TCKT.



Phạm Văn Dũng